TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 03/2018/HS-ST Ngày 15 -3 - 2018	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Hoàng

Bà Bùi Thị Thiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương Thị T, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1989 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
Nơi cư trú: thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
Nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Trương Quang T1 và bà Lê Thị P; có chồng và 03 con;
Tiền án: không, tiền sự: không;
Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Ngô Đình K - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk
Địa chỉ: Số L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị hại*: Bà Hà Thị N, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Thôn X, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

- Người làm chứng: Ông Trương Quang T1, sinh năm 1966 và anh Trương Quang H, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Buôn TL, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 08 giờ, ngày 27/6/2017 Trương Thị T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47K5-xxx (xe T mượn của ông Trương Quang T1) đi vào thị trấn B, huyện K để mua bơ. Khi đi đến nhà bà Hà Thị N ở thôn X, thị trấn B, T đứng ở ngoài cổng gọi vào để hỏi mua bơ nhưng không có ai trả lời, T thấy cửa nhà khóa ở ngoài nghĩ không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T gỡ hàng rào bằng lưới B40 đi vào phía sau nhà thấy cửa bếp không khóa, T mở cửa đi vào, lên phòng khách thấy cửa các phòng bị khóa, T quay ra vườn nhặt một cục đá cầm theo đi lên phòng khách, dùng cục đá đập kính các phòng ngủ để tìm tài sản. Sau khi lục soát các phòng ngủ, T đã lấy được số tiền 1.800.000đ trong cuốn sổ để trong cặp, 01 đôi bông tai bằng vàng 1,5 chỉ, 01 điện thoại di động Iphone 4 màu trắng. Sau khi lấy được tài sản T mang đôi bông tai bán được 4.680.000đ và số tiền trộm cắp được để tiêu xài cá nhân, điện thoại di động Iphone 4 T đưa cho em trai là Trương Quang H sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 91 ngày 16/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 đôi bông tai bằng vàng 9999, trọng lượng 1,5 chỉ, có giá trị 5.025.000đ; 01 điện thoại di động Iphone 4 đã qua sử dụng, trị giá còn lại 800.000đ.

Cáo trạng số 03/KSĐT-HS ngày 26/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố bị cáo Trương Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà bị cáo khai: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng. Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Ana 6.825.000đ để bồi thường cho người bị hại.

Người bị hại bà Hà Thị N khai: Ngày 27/6/2017 khi đi làm về bà phát hiện nhà bà bị kẻ gian đột nhập, trộm cắp của gia đình bà 5.600.000^{đ}, 01 đôi bông tai bằng vàng 1,5 chỉ; 01 điện thoại di động Iphone 4 màu trắng. Bị cáo trình bày chỉ lấy số tiền 1.800.000^{đ} là không đúng. Hiện nay gia đình bà chưa nhận được khoản tiền bồi thường nào. Bà yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại cho bà theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Bộ luật hình sự 1999, xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho bà N 01 điện thoại di động Iphone 4 màu trắng, có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/02/2018 giữa CQCSĐT Công an huyện Krông Ana và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47K5- XXX do bị cáo mượn của ông Trương Quang T1 để đi mua bơ, ông T1 không biết bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo T phải bồi thường cho bà N 6.825.000^{đ}, được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Ana, theo biên lai thu số 5406, ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Người bào chữa cho bị cáo ông Ngô Đình K trình bày: Ông nhất trí quan điểm của đại diện VKSND huyện về tội danh.

Đề nghị HĐXX xem xét các tính tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi bị phát hiện đã tự nguyện nộp tiền để bồi thường thiệt hại cho người bị hại, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, bản thân phải nuôi ba con nhỏ ăn học. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 60 BLHS 1999 cho bị cáo hưởng án treo, để bị cáo có cơ hội tự sửa chữa lỗi lầm.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, bị cáo cảm thấy rất ăn ăn, hối hận về việc đã làm. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cải tạo có điều kiện nuôi con nhỏ và trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Ana, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại bà Hà Thị N khai gia đình bà bị mất 5.600.000đ, 01 đôi bông tai bằng vàng 1,5 chỉ; 01 điện thoại di động Iphone 4 màu trắng. Tuy nhiên, bị cáo T chỉ thừa nhận trộm cắp số tiền mặt là 1.800.000đ và 01 đôi bông tai bằng vàng 1,5 chỉ; 01 điện thoại di động Iphone 4 màu trắng. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra chỉ chứng minh làm rõ được các tài sản như bị cáo đã khai, mặt khác bị hại không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình. Vì vậy, chỉ có căn cứ xác định số tiền mặt bị cáo đã trộm cắp là 1.800.000đ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Ngày 27/6/2018 bị cáo Trương Thị T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm: 1.800.000đ, 01 đôi bông tai bằng vàng 1,5 chỉ trị giá 5.025.000đ, 01 điện thoại di động Iphone 4 trị giá 800.000đ của bà Hà Thị N ở thôn X, thị trấn B. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 7.625.000đ. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành niên, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

[3] Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 quy định: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".*

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây mất ổn định trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, buộc phải biết tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhưng do xuất phát từ động cơ tham lam, tư lợi cá nhân nên bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo hoàn toàn phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã tự nguyện nộp tiền để bồi thường cho bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp

ít nghiêm trọng, tài sản chiếm được có giá trị không lớn; gia đình có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo nên được bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999. Về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt trước khi phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã phân tích ở trên. HĐXX xét thấy việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội là không cần thiết, chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình giám sát cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội nên cần chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[6] Đối với ông Trương Quang T1 cho bị cáo mượn xe để đi mua bơ, không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội, anh Trương Quang H không biết chiếc điện thoại bị cáo đưa cho anh là tài sản trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà N khai bị mất số tiền 5.600.000^{đ}, còn bị cáo khai bị cáo trộm cắp số tiền mặt là 1.800.000đ, quá trình điều tra cơ quan CSĐT không chứng minh được, bị hại không đưa ra được chứng cứ để chứng minh bị mất số tiền nói trên, căn cứ vào Điều 42 BLHS 1999; các Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà N số tiền gồm 1.800.000^{đ} và đôi bông tai 1,5 chỉ có trị giá 5.025.000^{đ}, tổng cộng 6.825.000^{đ} được khấu trừ vào số tiền 6.825.000^{đ} bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra, đã được giao nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana tại biên lai số 5406 ngày 01/3/2018.

[8] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bà Hà Thị N 01 điện thoại di động Iphone 4 màu trắng mà bị cáo đã trộm cắp.

[9] Về án phí: Bị cáo là thuộc đối tượng hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí, căn cứ Điểm đ, khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138, các điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60; Điều 42 Bộ luật hình sự 1999; khoản 2, khoản 3 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; các Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015. Điểm đ, khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Trương Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt: Bị cáo Trương Thị T 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho

UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường cho bà Hà Thị N số tiền 6.825.000^{đ} (sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 6.825.000^{đ} bị cáo nộp tại Cơ quan điều tra, đã được giao nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana theo biên lai số 5406 ngày 01/3/2018.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bà Hà Thị N 01 điện thoại di động Iphone 4 có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/02/2018 giữa cơ quan CSĐT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

- Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trương Thị T.

Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS Krông Ana;
- UBND xã E;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên